

Họ và tên: Lớp: Số:

Đề Thi Học Kỳ 1

Môn: Tiếng Việt (วิชา: ภาษาเวียดนาม)

Thời gian: 1 tiếng (เวลา: 1 ชม.)

จงเลือกคำตอบที่ถูกต้องที่สุด

1. ประเทศเวียดนามมีชื่ออย่างเป็นทางการว่าอะไร

- A. สาธารณรัฐเวียดนาม
- B. ประชาธิปไตยประชาชนเวียดนาม
- C. สาธารณรัฐสังคมนิยมเวียดนาม
- D. สังคมนิยมเวียดนาม

2. ปัจจุบันเมืองใดเป็นเมืองหลวงของประเทศเวียดนาม

- A. Huế C. Hà Nội
- B. Hải Phòng D. Hồ Chí Minh

3. เมืองหลวงอยู่ภาคใดของประเทศเวียดนาม

- A. เหนือ C. กลาง
- B. ใต้ D. ตะวันออกเฉียงเหนือ

4. สกุลเงินของประเทศเวียดนามคือ *

- A. กีบ C. จ้าด
- B. ด่ง D. บาท

5. การปกครองของประเทศเวียดนามปกครองด้วยระบอบใด

- A. ระบอบประชาธิปไตยโดยมีประธานาธิบดีเป็นประมุข
- B. ระบอบสังคมนิยมคอมมิวนิสต์
- C. ระบอบประชาธิปไตยโดยมีกษัตริย์เป็นมุข
- D. ระบอบทุนนิยมคอมมิวนิสต์

6. สระอา คือ

- A. a B. ă C. â D. e

7. สระเออ คือ

- A. o B. ă C. u D. E

8. A: Các bạn chào cô (ครูเข้าห้อง)

B:

- A.Em chào cô ạ! C.Em cảm ơn cô ạ!
B.cảm ơn! D.xin chào!

9. A: Các bạn chào cô (ครูออกจากห้อง)

B:

- A.Em chào cô ạ! C.Em cảm ơn cô ạ!
B.cảm ơn! D.xin chào!

10. Số điện thoại của chị Hà là Bảy sáu tám hai năm bốn một

- A.7633541 B.7632541 C.7683541 D.7682541

Trả lời “Đúng”, “sai” อ่านและตอบว่าประโยคไหน “ถูก.”หรือ “ผิด” 11-20

11. Đây không phải là cái bút chì.



Đúng

Sai

12. Đây là con chó.



Đúng

Sai

13. Kia là con cá.



Đúng

Sai

14. Kia là cái ba lô.



Đúng

Sai

15. Kia là quả táo.



Đúng

Sai

16. Đây là con ngựa.



Đúng

Sai

17. Kia là cái bàn.



Đúng

Sai

18. Kia là con gà.



Đúng

Sai

19. Cái này Tiếng việt gọi là cái ô.



Đúng

Sai

20. Cái này là cái đồng hồ.



Đúng

Sai

Tự luận: Ắតนั้ย

1. Ô chữ : หาคำศัพท์ในตารางทั้งแนวดั้งและแนวนอนให้ตรงกับภาพ

É	T	Á	O	B	B
H	Đ	V	È	A	Ú
G	À	M	M	L	T
C	B	À	N	Ô	C
K	H	Ỉ	U	A	H
L	Ê	C	Á	E	Ì

